

Số: /TTr-BKHCHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNHDự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/2/2025, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/2/2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ); Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Công văn số 11063/VPCP-KH&CN ngày 12/11/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc đề xuất xây dựng nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****1.1. Cơ sở chính trị**

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng với nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Về chủ trương: “*Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ*”; “*Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm*”.

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững*”.

- Về đột phá chiến lược: “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và*

phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo...”

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra nhiệm vụ: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số”*.

b) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định: *“Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”*.

c) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bước phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”*.

d) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đề ra nhiệm vụ: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực...”* và *“Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra...”*.

đ) Quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ rõ: *“Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”* và *“Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng*

trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, bảo đảm tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước”.

e) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định quan điểm “Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia và vươn tầm khu vực, thế giới; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số và làm giàu hợp pháp, chính đáng” đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong khu vực kinh tế tư nhân”; “Nhà nước ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ uơm tạo phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển và chuyển giao các công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.”; “Khẩn trương triển khai các chính sách hỗ trợ về nghiên cứu phát triển, đào tạo, tư vấn, xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ,...”.

1.2. Cơ sở pháp lý

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập nhằm hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ trên cơ sở Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006, cụ thể như sau:

- Khoản 4 Điều 39 Luật chuyển giao công nghệ năm 2006 quy định “Chính phủ quy định cụ thể việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia”.

- Để triển khai quy định của Luật, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. Điều 34 của Nghị định giao Bộ KH&CN “Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia”.

- Trên cơ sở đó, ngày 05/8/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1342/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Tiếp theo, ngày 03/7/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1051/QĐ-TTg quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, tạo cơ sở pháp lý cho việc vận hành Quỹ.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Chuyển giao công nghệ 2017 “Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia”, ngày 29/01/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg, thay thế

Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 03/7/2013.

Trước khi có Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Quỹ được thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

Ngày 27/6/2025, Quốc hội thông qua Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 (KH,CN&ĐMST), trong đó có các nội dung quy định về Quỹ cụ thể như sau:

- Điều 64 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025) Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 quy định chung về Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia:

“2. Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng cho hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Quỹ thực hiện chức năng tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.”;

“4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia không phải là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”;

“5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

- Điểm b khoản 2 Điều 71 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ như sau:

“Điều 38. Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”

- Khoản 5 Điều 73: *“5. Chính phủ quy định chuyển tiếp về hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.”*

Căn cứ theo các quy định nêu trên thì toàn bộ các quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia phải được ban hành để triển khai thực hiện theo quy định của Luật KH,CN&ĐMST.

Ngày 22/10/2025 Bộ KH&CN đã trình Thủ tướng Chính phủ về đề xuất xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại Tờ trình số 197/TTr- BKHCN.

Ngày 12/11/2025 Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc có ý kiến *“Đồng ý Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn như đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ tại văn bản 197/TTr-BKHCN”* tại Công văn số 11063/VPCP-KHTH của Văn phòng chính phủ.

Căn cứ các quy định của Luật KH,CN & ĐMST năm 2025 và Luật Chuyển

giao công nghệ năm 2017, các cơ sở pháp lý nêu trên, việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là yêu cầu bắt buộc và cấp thiết. Đây là biện pháp thi hành cần thiết để bảo đảm cho Quỹ hoạt động theo quy định của Luật KH,CN&ĐMST, đồng thời tiếp tục bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ đang được trình Quốc hội xem xét, nhằm tránh khoảng trống pháp lý trong giai đoạn chuyển tiếp.

2. Cơ sở thực tiễn

Việc xây dựng và ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là cần thiết và cấp bách, nhằm tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất của Luật KH,CN&ĐMST năm 2025 với những văn bản pháp lý khác hiện hành đồng thời giải quyết những vấn đề thực tiễn đang vướng mắc. Cụ thể:

- Hoạt động của Quỹ thời gian qua theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã hỗ trợ doanh nghiệp triển khai đổi mới công nghệ nhưng còn vướng về địa vị pháp lý, mô hình tổ chức, cơ chế tài chính, các hoạt động tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ lãi suất vay, hỗ trợ kinh phí để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;

- Nhu cầu doanh nghiệp đối với các công cụ hỗ trợ tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hỗ trợ lãi suất vay; cấp phiếu hỗ trợ tài chính; hỗ trợ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tăng mạnh, đòi hỏi Nghị định riêng để hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch thông qua cơ chế quỹ, khắc phục hạn chế của cơ chế giao dự toán đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

1.1. Thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST.

1.2. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành.

1.3. Hoàn thiện hành lang pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, tạo sự thuận lợi trong tổ chức thực thi, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Quan điểm xây dựng Dự thảo Nghị định

2.1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2.2. Khắc phục những tồn tại, hạn chế, tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách trong quá trình thực thi các quy định liên quan đến KH,CN&ĐMST.

2.3. Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đối với hoạt động KH,CN&ĐMST. Chuyển đổi mạnh mẽ trong tư duy quản lý, áp dụng quy trình quản lý phù hợp với đặc thù của nhiệm vụ ĐMST, hoạt động ĐMST.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được giao, để tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ KH&CN đã triển khai các công việc sau:

1. Ngày 22/10/2025 Bộ KH&CN đã trình Thủ tướng Chính phủ về đề xuất xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại Tờ trình số 197/TTr- BKHCN.

2. Ngày 12/11/2025 Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc có ý kiến *“Đồng ý Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn như đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ tại văn bản 197/TTr-BKHCN”* tại Công văn số 11063/VPCP-KHTH của Văn phòng chính phủ.

3. Ngày 15/11/2025, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 3734/QĐ-BKHCN thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định quy định tổ chức và Hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

4. Ngày 18/11/2025, Bộ KH&CN đã tổ chức họp Tổ soạn thảo thảo luận, xây dựng dự thảo Nghị định; đồng thời tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm để xin ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, các thành viên tổ soạn thảo tiếp tục tham gia đóng góp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến của các Bộ, Ngành, địa phương để hoàn thiện dự thảo.

5. Ngày, Bộ KH&CN đã có Công văn số/BKHCN- NATIF gửi dự thảo Nghị định lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và doanh nghiệp đồng thời đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân. Tính đến hết ngày, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (Bộ KH&CN) đã nhận được ý kiến của ... cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (09 Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; ... tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ... tổ chức chính trị- xã hội, xã hội nghề nghiệp; ... cơ sở giáo dục đại học; ...tập đoàn, doanh nghiệp). Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, Bộ KH&CN đã tổng hợp, xây dựng Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị định.

6. Ngày, Bộ KH&CN đã có Công văn số...../BKHCN-NATIF kèm theo hồ sơ Nghị định đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định.

7. Ngày, Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo quy định

tại Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

8. Ngày, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số...../BCTĐ-BTP về dự thảo Nghị định quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

9. Bộ KH&CN đã giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (tại Báo cáo số...../BC-BKH&CN ngày...../12/2025 của Bộ KH&CN) và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

1.2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, điều hành, tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 5 Chương, 19 Điều, cụ thể:

Chương I - Quy định chung, gồm 4 điều (từ Điều 1 đến Điều 4);

Chương II - Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ, gồm 2 điều (từ Điều 5 đến Điều 6);

Chương III - Hoạt động của Quỹ, gồm 2 điều (từ Điều 7 đến Điều 8);

Chương IV - Quản lý tài chính của Quỹ, gồm 8 điều (từ Điều 9 đến Điều 16);

Chương V - Tổ chức thực hiện, gồm 3 điều (từ Điều 17 đến Điều 19).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Về địa vị pháp lý, chức năng, cơ cấu tổ chức của Quỹ

a) Về địa vị pháp lý

Trước khi Luật KH,CN&ĐMST năm 2025 được ban hành, Quỹ hoạt động theo mô hình quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước (Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg). Quá trình triển khai hơn bốn năm cho thấy mô hình này còn nhiều vướng mắc, chưa đáp ứng yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp trong ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Luật KH,CN&ĐMST năm 2025 đã khẳng định Quỹ không phải là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và giao Chính phủ quy định chi tiết. Nghị định 265/2025/NĐ-CP đang hướng dẫn cơ chế tài chính của Quỹ theo nguyên tắc của đơn

vị sự nghiệp công lập. Do đó, việc xác định Quỹ là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ KH&CN là phù hợp với quy định của Luật và bảo đảm thống nhất trong hệ thống pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức của Quỹ.

Quỹ là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ KH&CN nên việc quy định cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban thuộc thẩm quyền Bộ trưởng. Nghị định 55/2025/NĐ-CP giao Bộ trưởng quyết định cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc Bộ. Do vậy, để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời điều chỉnh theo yêu cầu thực tiễn, việc giao Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ là phù hợp.

c) Về Hội đồng quản lý Quỹ (HĐQL)

Thực tiễn hoạt động cho thấy, các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQL (chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm, các nhiệm vụ quan trọng...) sau khi được HĐQL thông qua vẫn trình Bộ KH&CN phê duyệt do toàn bộ hoạt động của Quỹ sử dụng ngân sách nhà nước. Trên thực tế, Bộ đang trực tiếp sử dụng bộ máy chuyên môn sâu trong từng lĩnh vực để quản lý, giám sát hoạt động của Quỹ.

Tổng kết thời gian qua, HĐQL chỉ tham gia vào hoạt động quản lý, trong khi cơ quan quản lý cấp trên Bộ vẫn thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước và phê duyệt các nội dung quan trọng. Như vậy, chức năng, nhiệm vụ của HĐQL và của Bộ có phần trùng lặp, làm gia tăng tầng nấc trung gian, chưa phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy của Đảng, Nhà nước. Trên cơ sở đó, Bộ KH&CN tiếp thu định hướng giảm bớt khâu trung gian, đồng thời tăng cường giám sát thông qua bộ máy chuyên môn, ứng dụng quản lý số, hệ thống chỉ tiêu KPI và các công cụ giám sát trực tuyến.

Việc không thành lập HĐQL không làm suy giảm cơ chế tư vấn, phản biện trong hoạt động của Quỹ. Quỹ vẫn duy trì Hội đồng khoa học, các Hội đồng tư vấn và đội ngũ chuyên gia độc lập để bảo đảm chất lượng chuyên môn và tính khách quan trong thẩm định, lựa chọn nhiệm vụ. Đây được xác định là phương án thí điểm; Bộ sẽ tổ chức tổng kết, đánh giá, báo cáo Chính phủ xem xét, hoàn thiện mô hình quản lý Quỹ trong giai đoạn tiếp theo.

Ngoài ra, xét về phương diện pháp lý, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, chỉ đơn vị sự nghiệp công lập nhóm I bắt buộc phải có Hội đồng quản lý, Quỹ không thuộc nhóm này. Vì vậy, phương án không thành lập HĐQL đối với Quỹ là phù hợp với khuôn khổ pháp lý hiện hành.

3.2. Hoạt động của Quỹ

a) Nhiệm vụ đổi mới công nghệ; nhiệm vụ phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo:

Bổ sung quy định: *Đánh giá kết quả đầu ra thực hiện nhiệm vụ.*

Bộ KH&CN giải trình quy định trên: Việc đánh giá kết quả đầu ra thực hiện nhiệm vụ phù hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Luật KH, CN & ĐMST.

Quy định này là cần thiết nhằm bảo đảm trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, tổ chức nhận hỗ trợ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; tạo cơ sở pháp lý để Quỹ yêu cầu cung cấp báo cáo, minh chứng về kết quả thực hiện; đồng thời giúp Quỹ chủ động tổng hợp dữ liệu, đánh giá tác động và sử dụng thông tin làm căn cứ xây dựng, điều chỉnh chính sách tài trợ, hỗ trợ trong thời gian tới. Đây là yêu cầu quan trọng trong quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo Luật KH, CN & ĐMST năm 2025.

b) Để làm rõ cơ chế phối hợp giữa Quỹ và tổ chức tín dụng trong quá trình triển khai hỗ trợ lãi suất vay, Quỹ bổ sung mẫu Thỏa thuận hợp tác giữa Quỹ và tổ chức tín dụng làm căn cứ thực hiện nhiệm vụ này.

c) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

3.3. Đối với các nội dung đề xuất bổ sung so với quy định hiện hành

a) *Lập dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động của Quỹ:*

Bổ sung quy định: “việc xác định kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện như sau: (i) Năm thứ nhất chưa có số liệu quá khứ, kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được xác định theo dự kiến của Quỹ; (ii) Năm thứ hai có số liệu của 01 năm trước liền kề, kinh phí trung bình của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo số liệu thực tế của năm đó và được điều chỉnh theo dự kiến của Quỹ; (iii) Năm thứ ba có số liệu của 02 năm trước liền kề, kinh phí trung bình của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo bình quân số liệu của 02 năm đó và được điều chỉnh theo dự kiến của Quỹ; (iv) Từ năm thứ tư trở đi, kinh phí trung bình của các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại điểm a3 khoản 2 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP”.

Bộ KH&CN giải trình quy định trên: do Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo mới được quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ban hành ngày 14 tháng 10 năm 2025 nên Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo chưa có số liệu trong quá khứ.

b) *Quỹ cấp kinh phí đối với nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay:*

Bổ sung quy định: “Định kỳ, trước tối thiểu 07 ngày so với ngày đến hạn trả nợ, tổ chức tín dụng gửi Quỹ thông báo tổng hợp thu nợ kèm theo danh sách chi tiết thu nợ theo từng dự án/phương án đầu tư, ghi rõ kinh phí hỗ trợ lãi suất thuộc trách nhiệm chi trả của Quỹ theo quy định tại hợp đồng hỗ trợ lãi suất. Căn cứ vào thông báo thu nợ hợp lệ, Quỹ thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ lãi suất vào tài khoản chuyên dùng tối thiểu 01 ngày trước ngày đến hạn trả nợ. Sau khi thu được nợ từ doanh nghiệp, tổ chức tín dụng thông báo cho Quỹ kèm theo minh chứng về việc đã thu được nợ của doanh nghiệp. Quỹ thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ lãi suất đến tổ chức tín dụng theo quy định tại hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay.”

Bộ KH&CN giải trình quy định trên: việc quy định mốc thời gian nêu trên là cần thiết nhằm bảo đảm đúng hạn, giảm rủi ro tài chính, tăng tính minh bạch, phân định rõ trách nhiệm giữa Quỹ và tổ chức tín dụng, đồng thời phù hợp với yêu cầu vận hành tài khoản chuyên dùng theo quy định tại hợp đồng

hỗ trợ lãi suất vay.

c) *Quyết toán kinh phí:*

- Đối với nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay:

Bổ sung quy định: “*Quyết toán kinh phí nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện định kỳ hằng năm vào cuối năm tài chính trên cơ sở tổng hợp kinh phí đã hỗ trợ lãi suất vay trong năm tài chính. Đối với năm cuối của nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay, Quỹ thực hiện quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay vào thời điểm kết thúc của nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay theo Hợp đồng.*”

Hồ sơ quyết toán bao gồm: Bảng tổng hợp chi tiết nghĩa vụ trả nợ với tổ chức tín dụng của doanh nghiệp; Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ lãi suất từ tài khoản chuyên dùng của Quỹ tại tổ chức tín dụng; Các Hồ sơ đã cấp kinh phí, chứng từ và hồ sơ liên quan khác (nếu có).”

Bộ KH&CN giải trình quy định trên: việc quy định cơ chế quyết toán riêng đối với kinh phí nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay là cần thiết do đặc thù khoản chi hỗ trợ lãi suất được thực hiện theo kỳ hạn trả nợ của doanh nghiệp và được hạch toán qua tài khoản chuyên dùng tại tổ chức tín dụng. Quyết toán theo năm tài chính, và riêng năm cuối theo thời điểm kết thúc nhiệm vụ, giúp bảo đảm chính xác, đầy đủ, đồng thời phù hợp với chu kỳ thu - chi của khoản vay, tránh sai lệch số liệu.

- Đối với kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ voucher:

Bổ sung quy định: “Quyết toán kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ voucher được thực hiện cho từng nội dung của hợp đồng triển khai voucher, không phải quyết toán tổng thể hợp đồng. Biên bản quyết toán từng nội dung của hợp đồng triển khai voucher được ký kết tại thời điểm Quỹ thanh toán kinh phí cho đối tượng cung cấp voucher”.

Bộ KH&CN giải trình quy định trên: việc quyết toán theo từng nội dung của hợp đồng triển khai, thay vì quyết toán tổng thể hợp đồng, là yêu cầu bắt buộc để bảo đảm linh hoạt, kịp thời và đúng thực tế chi trả. Voucher là khoản hỗ trợ theo từng dịch vụ, từng lượt sử dụng; do đó quyết toán ngay tại thời điểm thanh toán giúp kiểm soát chặt chẽ, giảm tồn đọng hồ sơ, tránh dồn cục và phản ánh đúng kết quả hỗ trợ.

d) *Kinh phí chi quản lý của Quỹ:*

Bổ sung quy định: “Ngân sách nhà nước giao hằng năm cho Quỹ theo cơ chế khoán chi từ 05% đến 07% tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ được cấp trong năm để đảm bảo chi phí quản lý của Quỹ và tính theo phương pháp lũy tiến từng phần, cụ thể: Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ đến 3.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí quản lý 07%; Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trên 3.000 tỷ đồng đến 5.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí quản lý 06%; Đối với phần tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ trên 5.000 tỷ đồng/năm: áp dụng mức tính kinh phí quản lý 05%”.

Bộ KH&CN giải trình như sau:

Thứ nhất, đặc thù hoạt động của Quỹ không phụ thuộc vào biên chế cố định mà dựa vào số lượng và quy mô nhiệm vụ hằng năm. Các công việc như xét chọn, thẩm định, đánh giá, giám sát, hậu kiểm, thuê chuyên gia, kiểm toán độc lập... đều biến động mạnh theo khối lượng giải ngân mà cơ chế lập dự toán theo từng khoản chi không thể dự báo chính xác và thường xuyên dẫn đến thiếu hụt nguồn lực.

Thứ hai, khoản chi là phù hợp với thông lệ trong nước và quốc tế, cụ thể:

- Trong nước, Nghị định số 136/2024/NĐ-CP đã cho phép các quỹ xã hội, từ thiện được chi tối đa 10% tổng chi tài trợ, hỗ trợ cho quản lý; Ngân hàng Phát triển Việt Nam được giao 1,75% trên dư nợ bình quân hằng năm, ngoài nguồn thu từ lãi suất cho vay khoảng 7% (tổng khoảng 8%); các quỹ khác như Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá, Quỹ Bảo hiểm y tế cũng được trích lập tỷ lệ phần trăm chi phí quản lý.

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hiện là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, quy trình phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh dự toán qua nhiều bước, làm giảm tính chủ động và kịp thời. Trong giai đoạn 2021-2025, chi phí quản lý bình quân chiếm hơn 8% tổng kinh phí tài trợ, hỗ trợ trong khi thu nhập cán bộ, viên chức là một lần lương cơ bản.

Ngoài ra, theo dự toán Quỹ dự kiến hoạt động năm 2026 với quy mô 2.800 nhiệm vụ, tổng kinh phí tài trợ, đặt hàng khoảng 3.000 tỷ đồng, kinh phí chi quản lý của Quỹ theo quy trình, quy định tại Nghị định 268/2025/NĐ-CP, 265/2025/NĐ-CP ước khoảng 250 tỷ đồng, chiếm hơn 8% tổng kinh phí giải ngân.

- Thông lệ quốc tế cũng cho thấy mức 5-7% là hợp lý: World Bank áp dụng mức phí 12% cho hoạt động do Ngân hàng trực tiếp thực hiện và 5% cho quỹ ủy thác; UNDP thu phí quản lý chung 8%; các quỹ như Innovate UK, Enterprise Singapore, NSF (Mỹ), KOTEC (Hàn Quốc) đều duy trì chi phí quản lý trong khoảng 5-7% tổng kinh phí chương trình.

Thứ ba, cơ chế tỷ lệ khoản chi lũy tiến từng phần (7% → 6% → 5%) gắn chi phí quản lý với quy mô giải ngân, bảo đảm chi phí quản lý giảm dần tương đối khi quy mô tài trợ tăng. Đây là cơ chế tiết kiệm ngân sách, đồng thời tạo động lực để Quỹ đẩy mạnh giải ngân nhiệm vụ đổi mới công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp theo chỉ đạo của Đảng và Chính phủ.

Thứ tư, cơ chế khoản chi giúp tăng cường tính tự chủ, trách nhiệm giải trình, giảm thủ tục xin - giao - điều chỉnh dự toán cho từng khoản chi nhỏ lẻ; đồng thời cho phép Quỹ chủ động bố trí nguồn lực để duy trì hệ thống chuyên gia, nền tảng số, công cụ AI, hệ thống giám sát - đánh giá hiện đại.

Thứ năm, cơ chế khoản chi không chỉ bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và ngăn ngừa tình trạng chi tiêu dàn trải, mà còn hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước về đổi mới quản lý tài chính công, tăng cường tự chủ, trách nhiệm giải trình và thúc đẩy hiệu quả đầu tư ngân sách.

Từ các lý do trên, việc áp dụng cơ chế khoản chi kinh phí quản lý của Quỹ từ 5% đến 7% là yêu cầu khách quan, bảo đảm Quỹ vận hành đúng mô hình quỹ tài trợ

phát triển, phù hợp thông lệ quốc tế, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước và đáp ứng khối lượng công việc tăng cao theo Luật KH,CN&ĐMST 2025.

Bản chất không phải là nhà nước cấp kinh phí thường xuyên cố định mà là giao kinh phí quản lý nhiệm vụ gắn với kinh phí giải ngân.

đ) Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Quỹ

Bổ sung quy định: *Kinh phí khoán chi quản lý là nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Quỹ.*

Bộ KH&CN giải trình như sau:

Quỹ là công cụ tài chính của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ tài trợ và hỗ trợ theo Luật KH,CN&ĐMST năm 2025. Nếu không có cơ chế riêng, Quỹ sẽ vận hành như đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4, dẫn đến nhiều hạn chế, bộc lộ rõ trên bốn phương diện:

Thứ nhất, về nhân sự: Quỹ phụ thuộc vào chỉ tiêu biên chế và quy trình phê duyệt kéo dài, không đáp ứng yêu cầu giải ngân rất lớn trong năm 2026 và các năm tiếp theo (khoảng 2.800 nhiệm vụ, giải ngân 3.000 tỷ đồng trong năm 2026 và tăng dần). Với 28 người hiện có, Quỹ không đủ năng lực để gánh khối lượng công việc khổng lồ, cần có cơ chế chủ động tuyển dụng và thu hút nhân lực chất lượng cao.

Thứ hai, về cơ chế điều hành: Không có cơ chế tự chủ thì Quỹ không thể chủ động thuê chuyên gia, tư vấn, giám sát, kiểm toán độc lập; không chủ động thuê hệ thống CNTT; mọi điều chỉnh trong dự toán đều qua nhiều khâu, làm mất tính kịp thời. Điều này mâu thuẫn với đặc thù nhiệm vụ đòi hỏi tốc độ, chất lượng, trách nhiệm giải trình cao.

Thứ ba, về tiền lương và đãi ngộ: Mức chi trả theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 không đủ thu hút và giữ chân nhân sự giỏi, trong khi yêu cầu công việc nặng, cường độ cao, trách nhiệm lớn. Trước khi Luật KH,CN&ĐMST năm 2025 có hiệu lực, mô hình cũ dù chưa hiệu quả nhưng thu nhập vẫn gần gấp đôi mức hiện nay nếu áp dụng cơ chế nhóm 4.

Thứ tư, về yêu cầu cải cách tổ chức theo chủ trương của Đảng: Việc áp dụng cơ chế nhóm 4 chưa phù hợp với Nghị quyết 19-NQ/TW về tinh giản đơn vị sự nghiệp công lập, giảm biên chế, đổi mới cơ chế hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Các hạn chế trên không phù hợp tinh thần đổi mới mà Luật KH,CN&ĐMST năm 2025 đặt ra: Quỹ phải là cánh tay nối dài của Nhà nước, là công cụ để tạo động lực cho đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, chứ không thể vận hành như một đơn vị sự nghiệp công lập hành chính thụ động.

e) Cơ chế tự chủ của Quỹ

Bổ sung quy định: *“Quỹ thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và các quy định riêng tại Nghị định này”.*

Bộ KH&CN giải trình như sau:

Trên cơ sở các phân tích tại mục d và đ nêu trên về yêu cầu khoán chi quản lý và việc xác định khoản khoán chi là nguồn thu sự nghiệp của Quỹ, việc áp dụng cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên là cần thiết để bảo đảm Quỹ có đủ quyền chủ động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao và duy trì tính linh hoạt trong điều hành theo yêu cầu của Luật KH,CN&ĐMST năm 2025, đồng thời phù hợp với các quy định riêng tại Nghị định này.

3.4. Về điều khoản chuyển tiếp

Quy định điều khoản chuyển tiếp là cần thiết để bảo đảm hoạt động của Quỹ không bị gián đoạn khi chuyển từ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg sang mô hình tổ chức và cơ chế tài chính theo Nghị định mới. Việc tiếp tục sử dụng nguồn vốn hoạt động, các loại quỹ hiện còn đến thời điểm Nghị định có hiệu lực giúp Quỹ bảo đảm ổn định tài chính, không phát sinh khoảng trống pháp lý và không làm gián đoạn các nhiệm vụ, kinh phí chi quản lý của Quỹ đang triển khai.

Quy định cho phép các dự án đang thực hiện tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg là cần thiết để tránh thay đổi quy trình trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm tính ổn định, nhất quán và hạn chế rủi ro pháp lý đối với doanh nghiệp, tổ chức nhận hỗ trợ.

Việc chuyển nguyên trạng toàn bộ viên chức và người lao động sang mô hình Quỹ theo Nghị định mới nhằm giữ ổn định tổ chức, bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ và chế độ hiện hành của người lao động, phù hợp với quy định của pháp luật về viên chức và tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI BỘ TƯ PHÁP ĐỂ THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị định bổ sung ... nội dung so với dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định, cụ thể là:

Nội dung 1: Tiếp thu ý kiến của một số tổ chức, doanh nghiệp (ví dụ như Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính,...), Bộ KH&CN bổ sung, sửa đổi... như sau:

“Điều

Lý do:

Nội dung 2:

Lý do:

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

1. Về đảm bảo nguồn nhân lực

Việc triển khai Nghị định không làm phát sinh biên chế mới (người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chính phủ.

2. Về đảm bảo nguồn kinh phí

2.1. Kinh phí bảo đảm thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ quy định tại Nghị định này được NSNN đảm bảo theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về KH,CN&ĐMST, đồng thời huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (các nhà tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các dự án quốc tế.v.v).

2.2. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đối với các thủ tục công nhận tại dự thảo Nghị định đã được đánh giá, rà soát, tinh giản để đảm bảo việc thực thi khi triển khai nhiệm vụ.

3. Thời gian trình Chính phủ ban hành: tháng 12/2025.

Trên đây là Tờ trình về việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (*Bộ Khoa học và Công nghệ*) kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân; (7) Bản tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng (đề b/c);
- Các Thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng;
- Các Thứ trưởng;
- Vụ PC, VP Bộ;
- Lưu: VT, NATIF.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng